**BIÊN BẢN THẢO LUẬN**

**NHÓM: 6 (AN1+AN2+AN3+HB+NTT)**

**HOẠT ĐỘNG 1:**

**Nội dung: Tìm hiểu ma trận và bản đặc tả đề kiểm tra “CUỐI HỌC KÌ 1 – VẬT LÍ 11”**

**I. Mô tả cấu trúc, xác định thông tin cơ bản của MT và đặc tả MT đề kiểm tra**

**1. Cấu trúc ma trận và đặc tả đề kiểm tra:**

- Cấu trúc ma trận gồm: **3 chương (13 đơn vị kiến thức, kĩ năng) – Thời lượng làm bài 45 phút**

**Đề kiểm tra gồm phần trắc nghiệm khách quan: 28 câu (16 nhận biết, 12 thông hiểu) + phần Tự luận: 4 câu (2 vận dụng và 2 vận dụng cao)**

**Trong đó: Chương 1 (10 câu trắc nghiệm KQ + 1 vận dụng + 1 vận dụng cao) chiếm 40%**

 **Chương 2 (11 câu trắc nghiệm KQ + 1 vận dụng cao) chiếm 32,5%**

 **Chương 3 (7 câu trắc nghiệm KQ + 1 vận dụng ) chiếm 27,5%**

- Cấu trúc bảng đặc tả đề gồm:

**MÔN: VẬT LÍ 11 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức, kĩ năng** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng**  | **Vận dụng cao** |
| **1** | Điện tích – Điện trường | * 1. Định luật Cu-lông
 | 1 | 1 | **1** |  |
| * 1. Thuyết electron – Định luật bảo toàn điện tích
 | 1 | 1 |  |  |
| * 1. Công của lực điện - Hiệu điện thế
 | 1 | 1 |  | **1** |
| * 1. Điện trường
 | 1 | 1 |  |  |
| 1.5. Tụ điện | 1 | 1 |  |  |
| **2** | Dòng điện không đổi | 2.1. Dòng điện không đổi – Nguồn điện | 2 | 1 |  |  |
| 2.2. Điện năng – Công suất điện | 2 | 1 |  |  |
| 2.3. Định luật Ôm đối với toàn mạch  | 2 | 1 |  | **1** |
| 2.4. Ghép các nguồn thành bộ và thực hành xác định suất điện động và điện trở trong của nguồn điện | 1 | 1 |  |
| **3** | Dòng điện trong các môi trường | 3.1. Dòng điện trong kim loại | 1 | 2 |  |  |
| 3.2. Dòng điện trong chất điện phân | 1 | 1 | **1**  |  |
| 3.3. Dòng điện trong chất khí | 1 |  |  |  |
| 3.4. Dòng điện trong bán dẫn | 1 |  |  |  |
| **Tổng** | **16** | **12** | **2**  | **2** |
| **Tỉ lệ %**  | **40%** | **30%** | **20%** | **10%** |
| **Tỉ lệ chung** | **70%** | **30%** |

**2. Thông tin ma trận và bản đặc tả:**

- Số câu hỏi: TN **28** câu (trong đó NB: **16** câu; TH: **12** câu);

TL **4** câu (trong đó VD: **2** câu; VDC: **2** câu).

- Thời gian dự kiến:

 NB: **0,75** ph/câu; tổng thời gian: **12** ph;

 TH: **1** ph/câu; tổng thời gian: **12** ph;

 VD: **4,5** ph/câu; tổng thời gian: **9** ph;

 VDC: **6** ph/câu; tổng thời gian: **12** ph.

- Thang điểm: TN **???** đ/câu; tổng điểm TN: **7,0** đ;

TL **???** đ/câu; tổng điểm TL: **3,0** đ.

**II. Căn cứ để phân phối số lượng câu hỏi vào các mức độ và các đơn vị kiến thức:**

- Căn cứ vào mục đích của đề kiểm tra, căn cứ vào mức độ quan trọng của mỗi chủ đề (nội dung, chương...) trong chương trình và thời lượng quy định trong phân phối chương trình để phân phối tỉ lệ % tổng điểm cho từng chủ đề

- Yêu cầu giảm tải của Bộ GD

- .......................................................................

**III.** **Số lượng các câu hỏi trong các mức độ và các đơn vị kiến thức**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đơn vị kiến thức** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| Chương I. Điện tích. Điện trường | 5 | 5 | 1 | 1 |
| Chương II. Dòng điện không đổi | 7 | 4 |  | 1 |
| Chương III. Dòng điện trong các môi trường | 4 | 3 | 1 |  |
| **Tổng số câu (...%)** | **16** (40%) | **12**(30%) | **2**(20%) | **2**(10%) |
| **Điểm** | **4** | **3** | **2** | **1** |

**IV. Đánh giá chung:**

**1. Tính tương ứng, hợp lí giữa ma trận và đặc tả đề, đề xuất nội dung cần chỉnh lí cho thống nhất:**

Còn vài nội dung giữa câu hỏi đề minh hoạ còn chưa khớp với ma trận (bảng đặc tả)

Cụ thể:

- Câu 3,4,6,7,8,10,11: mức độ nhận biết nhưng bảng đặc tả đưa vào mức độ thông hiểu.

- Trong bảng đặc tả ghi nhầm 2 câu 25

- Phần tự luận: Câu 3 chưa phù hợp với nội dung ma trận và bảng đặc tả.

**2. Dự kiến với ma trận trên, HS trung bình đạt khoảng bao nhiêu điểm:**

***Từ 5 điểm đến 6 điểm.***